| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG PẮC**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/5/2025
V/v: Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Lưu Thị Ngọc Thủy.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Lan.
Ông Lý Viết Chấn.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Toà án nhân dân huyện Krông Pắc.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 149/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2025 về việc "*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1991. Nơi thường trú: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1990. Nơi thường trú: Số nhà 40, thôn 19/8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:** Tôi và anh Trần Văn T chung sống với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 11/02/2022 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện rượu, thuốc lá và đánh đề, vay mượn tiền của nhiều người khiến cuộc sống vợ chồng càng mâu thuẫn. Mặc dù tôi đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 01/11/2022 và cháu Trần Diễm Q, sinh ngày 21/11/2024, hiện các cháu đang ở với tôi. Nay ly hôn tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành. Tôi không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân tôi thừa nhận đúng như cô Phan Thị T trình bày. Nay cô T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống hàng ngày. Do tính chất công việc thường đi làm xa, không có thời gian ở bên gia đình nên vợ chồng không hiểu nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng là có nhưng theo tôi chưa đến mức phải ly hôn nên tôi không đồng ý lý hôn với cô T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 01/11/2022 và cháu Trần Diễm Q, sinh ngày 21/11/2024. Trường hợp cô T nhất quyết ly hôn thì tôi có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Uy V, sinh ngày 01/11/2022 đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc:**

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "*Kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*", nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T; Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 01/11/2022 và cháu Trần Diễm Q, sinh ngày 21/11/2024 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị Thương không yêu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình. Bị đơn anh Trần Văn T có hộ khẩu thường trú tại huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Trần Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K,

tỉnh Đắk Lắk vào ngày 11/02/2022 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2022). Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện rượu, cờ bạc, vay mượn tiền của nhiều người, khiến cuộc sống của vợ chồng càng nhiều mâu thuẫn. Mặc dù, chị T đã khuyên can nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Do đó, chị T yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T. Bị đơn anh T không đồng ý ly hôn với chị T, lý do anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức ly hôn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trong thời gian dài; giữa các bên không còn sự tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng; mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T, cho chị Phan Thị Thương được ly hôn với anh Trần Văn T.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị Phan Thị T và anh Trần Văn T có hai con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 01/11/2022 và cháu Trần Diễm Q, sinh ngày 21/11/2024, hiện các cháu đang ở với chị T. Nguyện vọng của chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung đến tuổi trưởng thành. Nguyện vọng của anh T được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Uy V.

HĐXX xét thấy, các con chung của chị T và anh T là cháu Trần Uy V, sinh ngày 01/11/2022 và cháu Trần Diễm Q, sinh ngày 21/11/2024 đều dưới 36 tháng tuổi. Theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*".

Quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp cho Tòa án Bảng lương chứng minh mức thu nhập bình quân của chị T khoảng 23.000.000 đồng/tháng; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị Phan Thị T. Hiện chị T và các con chung đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị T tại thôn P, xã Q, huyện N, tỉnh Đắk Nông. Như vậy, chị T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Để đảm bảo tâm lý; điều kiện sinh hoạt; không gây xáo trộn trong cuộc sống của các con chung, HĐXX giao con chung là cháu Trần Uy V và cháu Trần Diễm Q cho chị Phan Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, anh Trần Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Trần Văn T không kêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn chị Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị T được ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần Uy V, sinh ngày 01/11/2022 và cháu Trần Diễm Q, sinh ngày 21/11/2024 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị T không yêu cầu anh Trần Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phan Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tuy nhiên, chị Phan Thị T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Trần Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị Phan Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0003153 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*
- Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;
- Viện KSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã E, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

(Đã ký)

**Lưu Thị Ngọc Thủy**